

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 27 tháng 9 năm 2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T** – sinh năm 1990.

Địa chỉ: khu Nhang Q, xã Thạch K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Phạm Thùy L** – sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu Nhang Q, xã Thạch K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Hiện nay đang ở nước ngoài).

(Anh L vắng mặt lần thứ hai, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và Anh L kết hôn ngày 06/6/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch K, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chị về làm dâu ngay gia đình nhà anh L, vợ chồng ăn ở chung cùng gia đình. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến năm 2015 Anh L đi lao động ở Nhật Bản đến năm 2016 khi mẹ chồng chị chết thì Anh L có về nước mấy ngày xong lại đi sang Nhật Bản từ đó đến nay hai bên không liên lạc gì; đến năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thùy L.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 11/11/2008, hiện cháu H đang ở với chị, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu Anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí chị xin chịu toàn bộ.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/8/2022.

- Phía bị đơn anh Phạm Thùy L hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số: 16459/QLXNC – P5 ngày 09/8/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 09/8/2022 của Cục xuất nhập cảnh bộ Công an cung cấp anh Phạm Thùy L xuất cảnh gần nhất ngày 09/6/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị T không biết địa chỉ của Anh L ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã báo ông Phạm Thanh Đ (bố đẻ anh L) và được ông Đ cung cấp như sau: Ông Đ là bố đẻ của Anh L và là bố chồng của chị T, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Anh L gia đình đã nhận được, sau khi nhận được gia đình có nói cho Anh L biết thông qua điện thoại và yêu cầu Anh L cung cấp địa chỉ ở nước ngoài. Nhưng Anh L không cung cấp và có quan điểm nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị T và Anh L có một con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 11/11/2008, hiện đang ở với chị T và chị T có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn, thì ông đã thông báo cho Anh L biết và Anh L cũng nhất trí để chị T được trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Ông Đ xác định không có gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông cam kết nhận và thông báo các văn bản tố tụng tiếp theo của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho Anh L biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Phạm Thùy L.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh H SN 11/11/2008 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh L vẫn có quyền, nghĩa vụ trông

nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chi Tphải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T nộp đơn xin ly hôn anh Phạm Thùy L tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị Ttrình bày hiện Anh Lđang ở nước ngoài. Tại công văn số 16459/QLXNC – P5 ngày 09/8/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 09/8/2022 của Cục xuất nhập cảnh bộ Công an xác định anh Phạm Thùy L đã xuất cảnh lần cuối cùng ngày 09/6/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này Anh Lkhông có mặt ở Việt Nam và chị Tcó đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2, 4 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Tđề nghị xin ly hôn với Anh Lvà chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh Llà ở xã Thạch K, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ của Anh Lở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh Llà ông Phạm Thanh Đ(Là bố đẻ anh L) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho Anh Lbiết, yêu cầu Anh Lcung cấp địa chỉ nhưng Anh Lkhông cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của Anh Lở đâu tại nước ngoài. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung; Anh Lvắng mặt, chị Tcó đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, chị T.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Thùy L trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/6/2011, tại UBND xã Thạch K, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Tvà Anh Lcó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra, Tại đơn đề nghị ngày 22/8/2022 của ông Phạm Thanh Đlà bố đẻ Anh Lcũng cho biết vợ chồng anh L, chị T, trong cuộc sống cũng có mâu thuẫn và chị Tđã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở từ năm 2018 đến nay. Do vậy, có

căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Tvà Anh Lđã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Tđược ly hôn Anh Llà phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Tvà Anh Lcó một con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 11/11/2008. Hiện nay cháu Hđang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị Txin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hvà không yêu cầu Anh Lphải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy hiện nay chị Tđang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hvà có đủ điều kiện nuôi con, bản thân cháu Hcũng có nguyện vọng xin được ở với chị Tnên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Mặt khác, Anh Lđang ở nước ngoài không có thời gian cũng như điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoa. Do vậy, Tòa án thấy rằng cần giao con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 11/11/2008 cho chị Ttrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Ttự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Txác định không có không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Tchịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83, 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2, 4 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Thùy L.

[2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 11/11/2008. Anh Lkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Vì chị Ttự nguyện không yêu cầu.

Anh Lcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Tđã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000236 ngày 03/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chỉ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của Anh Là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang